



Những kết quả ban đầu về khảo sát 74 loài cây gỗ ở bản Pỏm Om, xã Hạnh Dịch, Quế Phong, Nghệ An.

Nội dung

Bối cảnh	2
Mở đầu.....	2
Mục đích nghiên cứu.....	5
Phương pháp nghiên cứu	6
Tổng quan tài liệu.....	6
Dụng cụ, vật liệu	6
Tiến trình thực hiện.....	6
Xử lý dữ liệu.....	7
Khó khăn.....	7
Thuận lợi.....	7
Kết quả/những phát hiện	8
Thảo luận.....	11
Kết luận và đề xuất.....	13

Bối cảnh

Kết quả của nghiên cứu thực vật học dân tộc do Viện SPERI và mạng lưới MECO-ECOTRA cùng tiến hành tại Khu Thực hành Sinh thái Nhân văn (HEPA), xã Sơn Kim 1, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh và tại bản Lóng Lăn, huyện Luang Prabang, đất nước Lào đã xác định rõ nhu cầu cần tiếp tục mở rộng nghiên cứu thực vật học dân tộc (trong đó có nhóm cây gỗ) ở nhiều bản làng khác (SPERI, 2012 – 2013).

Trong chương trình giao đất giao rừng tại địa bàn xã Hạnh Dịch, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, với sự tư vấn của Viện SPERI từ quý 2 năm 2012 đến nay; vào ngày 19/6/2012, chủ tịch UBND huyện Quế Phong đã ký Quyết định số 616/QĐ-UBND về việc giao 426,52 ha đất lâm nghiệp cho cộng đồng bản Pòm Om, xã Hạnh Dịch; trong đó: diện tích đất có rừng là 275,6 ha, diện tích đất chưa có rừng là 150,92 ha (SPERI, 2013). Bên cạnh việc đáp ứng nhu cầu cần phải giao đất gắn với nhận rừng tới cộng đồng và rừng vườn hộ gia đình (thông qua giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), việc xác định được trữ lượng/sinh khối của các loài thực vật cây rừng trên diện tích đất rừng cộng đồng/vườn hộ gia đình cũng hết sức quan trọng.

Chính vì vậy, một nghiên cứu định lượng và định tính về thực vật học dân tộc (tập trung nhóm cây gỗ), điều tra trên một số diện tích vùng rừng cộng đồng và rừng hộ gia đình tại bản Pòm Om, xã Hạnh Dịch, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An là cần thiết. Nghiên cứu khảo sát/đánh giá này nhằm tìm hiểu, ghi chép và phân tích chức năng/công dụng của một số loài thực vật (nhóm cây gỗ) tại bản Pòm Om; cũng như đánh giá những nguy cơ tại sao một số loài bị cạn kiệt.

Những thông tin này đóng vai trò quan trọng bổ sung thêm vào miền thông tin trữ lượng/sinh khối của các diện tích rừng đã được giao cho cộng đồng và các hộ gia đình; đồng thời, nhằm tiếp tục thúc đẩy việc thực thi chính sách việc giao đất gắn liền với nhận rừng cho các hộ gia đình và cộng đồng tại nhiều vùng đồng bào dân tộc thiểu số là một nhiệm vụ cấp thiết góp phần bảo vệ sự đa dạng sinh học, duy trì sinh kế và bảo tồn văn hóa truyền thống. Nghiên cứu khảo sát/đánh giá đã được tiến hành từ ngày 25/11 đến 3/12/2013.

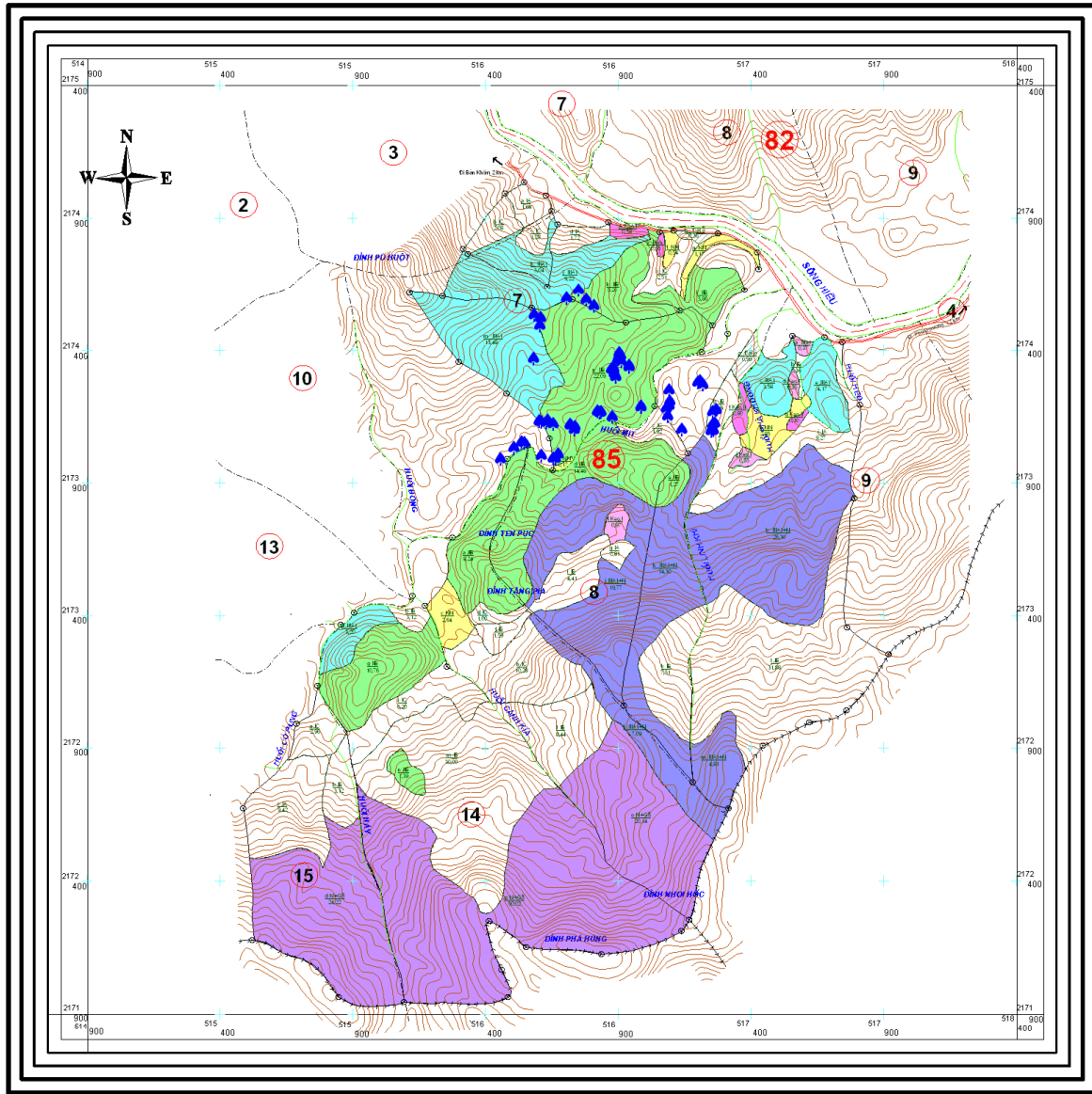
Mở đầu

Bản Pòm Om, xã Hạnh Dịch, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An nằm trên một mỏm đồi đá nhấp nhô gần sông Nậm Việc và đường lên biên giới Việt – Lào. Bản nằm trên địa bàn trung tâm của xã Hạnh Dịch. Phía Bắc giáp sông Nậm Việc, phía Nam giáp xã Mường Nọc và Châu Kim, phía Đông giáp xã Tiên Phong và bản Pà Cọ, phía Tây giáp bản Khóm. Bản là nơi ảnh hưởng và giao thoa văn hóa giữa 2 nhóm: Thái vùng trong và Thái vùng ngoài. Bản có 68 hộ dân tộc Thái với 327 nhân khẩu (SPERI, 2013).

Bản Pòm Om có tổng diện tích tự nhiên 663,75 ha, đất nông nghiệp 508,15 ha, trong đó đất lâm nghiệp 487,3 ha, đất trồng cây hàng năm 17,75 ha, đất phi nông nghiệp 14,3 ha. Theo số liệu này, diện tích đất lâm nghiệp đang được phân loại nằm trong tổng diện tích đất nông nghiệp. Ngày 19/6/2012, theo Quyết định số 616/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện Quế Phong, bản Pòm Om đã được giao 426,52 ha đất

lâm nghiệp. Trong đó: diện tích đất có rừng là 275,6 ha, diện tích đất chưa có rừng là 150,92 ha. (SPERI, 2013).

BẢN ĐỒ PHÂN BỐ CÁC LOẠI THỰC VẬT TRONG ĐỢT NGHIÊN CỨU TVDTH
TIỂU KHU 85 - BẢN PỒM OM - XÃ HẠNH DỊCH - HUYỆN QUẾ PHONG - TỈNH NGHỆ AN



Nguồn: Bản đồ hiện trạng rừng bản Pòm Om năm 2012 - phục vụ khảo sát tạo rừng
 Kết quả đo tra thực địa Thực vật đa tác học (LISO 2013)

Bản nghiên cứu và xuất bản (R&P)
 Liên minh chủ quyền sinh học (LISO)

- | | | |
|--|---|--|
| <ul style="list-style-type: none"> Ranh giới xã Ranh giới tiểu khu Ranh giới khoảnh Ranh giới lô trồng thái Đường ô tô, đường đất Sông suối, hồ đập Đường bình đồ, điểm đo cao | <p>CHỈ DẪN</p> <ul style="list-style-type: none"> Cây gỗ được nghiên cứu Ranh giới thửa đất Ranh giới trồng thái rừng Số lô - Trạng thái
Diện tích (Héc) Số hiệu tiểu khu, khoảnh Đất trồng cỏ cây tái sinh (IC) Đất trồng rừng cỏ, cây bụi (IB, IA) | <ul style="list-style-type: none"> Rừng trồng keo cấp tuổi I, Mết IIa Rừng gỗ phục hồi cây lá rộng thường xanh IIb Rừng gỗ sau khai thác kiệt cây lá rộng thường xanh Rừng hỗn giao gỗ nghêu + Nứa N+Cô Rừng hỗn giao Nứa-Cô Đất trồng cây nông nghiệp Keo II Rừng trồng keo cấp tuổi II |
|--|---|--|



Hình 1: Vị trí các loài cây được tìm hiểu trên bản đồ hiện trạng bản Pòm Om

Đặc điểm chung về cuộc sống của đồng bào dân tộc Thái gắn với đất và rừng:

Người dân tộc Thái có cuộc sống gắn liền với (đất và) rừng: "Tai pá phăng, nhăng pá liêng" có nghĩa là: Sống rừng nuôi, chết rừng chôn. Rừng trong tâm thức của người Thái như trái tim của cộng đồng, thể hiện những quy ước, tập quán và những giá trị văn hóa truyền thống được tôn thờ, được sùng kính như với ông bà tổ tiên (LandNet, 2013). Quản lý rừng ngày xưa không thành điều Luật. Mà chính ý thức và sự thừa nhận những điều cần thiết phải giữ gìn và phát triển rừng mà cả xã hội/cộng đồng người Thái đã có sự nhất quán và luôn nhắc nhở nhau qua những câu tục ngữ, ca dao: " Máy cuồng pà lừa nhà cuồng hươn; Máy cò xuẩn khư điểu phườn khâu " Nghĩa là: Cây trong rừng là những bà cố nuôi thế hệ này đến thế hệ khác; Cây trong vườn như mâm cơm dọn sẵn (Lô Khánh Xuyên, 2004).

Quá trình cộng đồng bảo vệ, sử dụng đất rừng là quá trình trường tồn; gắn chặt với niềm tin của người Thái vào thần núi, thần rừng, thần nước, các lễ hội cộng đồng, các luật tục quản lý tài nguyên và bảo vệ rừng. Cụ thể, người Thái ở xã Hạnh Dịch đã và đang giữ gìn tín ngưỡng thờ thần Lắc Xưa (thần đất, những người khai đất lập bản), thần thuốc nam, kiêng chặt cây ở vùng Sần (rừng thiêng), vùng Đổng (rừng nghĩa địa), rừng đầu nguồn nước. Niềm tin, luật tục đó tạo sức mạnh tinh thần và ý thức giúp cộng đồng bảo vệ và phát triển rừng (SPERI, 2012).

Trong phương thức canh tác, người Thái canh tác nương rẫy theo chu kỳ 6-10 năm, gồm ít nhất qua 03 mảnh nương ở những vùng có độ dốc nhỏ hơn 15 độ; canh tác ruộng nước bằng cách sử dụng các kỹ thuật truyền thống nhằm khai thác và quản lý hiệu quả nguồn nước (Lê Văn Ka, 2003; Trần Đình Phương, 2010). Với hai hình thức canh tác bền vững này, người Thái ở Hạnh Dịch không những không làm mất rừng, không làm thoái hoá đất mà còn gìn giữ và phát huy giá trị của rừng, song hành cùng với các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc mình.

Gần đây nhất, trong chương trình giao đất gắn với nhận rừng diễn ra tại xã Hạnh Dịch, dưới sự tư vấn của SPERI, bên cạnh giao quyền sử dụng và quản lý đất/rừng; đất, và rừng ở bản Pòm Om có quy chế Quản lý, bảo vệ, phát triển rừng cộng đồng và kế hoạch, giải pháp quản lý đối với từng vùng (rừng đầu nguồn nước, rừng thiêng; rừng bảo vệ, sử dụng và khoanh nuôi tái sinh; vùng chăn thả gia súc; vùng sản xuất nông-lâm nghiệp; vùng bảo tồn và phát triển thuốc nam; vùng nghĩa địa) (SPERI, 2012).

Mục đích nghiên cứu

- Tìm hiểu các loài cây gỗ bản địa hiện có tại bản Pòm Om
- Tìm hiểu giá trị sử dụng các loài gỗ đó ở bản Pòm Om
- Tìm hiểu hiện trạng/trạng thái các loài cây gỗ
- Tìm hiểu nguy cơ bị khai thác cạn kiệt của các loài

Bên cạnh bộ câu hỏi, các câu hỏi nghiên cứu chính bao gồm:

1. Ở cộng đồng Pòm Om hiện nay có những loài cây gỗ nào?
2. Những loài cây gỗ đó được sử dụng với những mục đích gì?
3. Đánh giá của cộng đồng về hiện trạng/trạng thái của các loài cây gỗ?
4. Những loài nào được cộng đồng đánh giá hiện đối mặt với nguy cơ bị khai thác quá mức?

Phương pháp nghiên cứu

Tổng quan tài liệu

Nghiên cứu đã kế thừa bộ câu hỏi/phương pháp luận nghiên cứu (đã được sử dụng ở HEPA – Hương Sơn – Hà Tĩnh và Lóng Lăn – Luang Prabang – Lào trong nghiên cứu thực vật học dân tộc tiến hành năm 2012 đến năm 2013). Việc sử dụng lại bộ câu hỏi này/phương pháp luận nghiên cứu là vì đã được đúc rút kinh nghiệm từ các đợt khảo sát trước đây; bên cạnh đó, vừa đảm bảo tính thống nhất về khung các miền thông tin đã sử dụng, thuận tiện cho nghiên cứu/phân tích so sánh này (nếu có); nhưng vẫn đảm bảo tính linh hoạt điều chỉnh trong bối cảnh phù hợp.

Báo cáo Nghiên cứu khảo sát/đánh giá này cũng đọc và lựa chọn một số thông tin phù hợp khác từ các báo cáo nghiên cứu trước đây của nhóm giao đất giao rừng của SPERI, và LandNet.

Dụng cụ, vật liệu

Nguồn tri thức địa phương của các già làng, người dân như ‘bộ bách khoa tri thức sống về núi rừng’ chính là trung tâm của quá trình tìm hiểu nghiên cứu. Đây cũng là một trong những nguyên tắc nghiên cứu trong phương pháp luận Sinh thái Nhân văn Sinh học, Thực vật học dân tộc mà hai chuyến nghiên cứu khảo sát trước cũng đã áp dụng.

Những vật dụng hỗ trợ khác như sổ ghi chép, tiêu bản, máy GPS (thiết bị định vị toàn cầu), máy ảnh cũng được sử dụng để ghi chép lại một cách tốt nhất nguồn tri thức mà cộng đồng về các loài thực vật.

Những cuộc trao đổi chân thành, tin tưởng và cởi mở diễn ra trên thực địa, trong rừng cộng đồng, rừng vườn hộ gia đình về các loài thực vật cây gỗ cũng là một trong những nguồn vật liệu của nghiên cứu khảo sát/đánh giá này. Những cuộc trao đổi này thể hiện một quá trình học hỏi không ngừng của nhóm nghiên cứu (trong đó có cả già làng, người dân) về tri thức bản địa; đồng thời, rèn dũa thêm các kỹ năng nghiên cứu thực địa cho cán bộ trẻ. Đồng thời, đây cũng là dịp để các thành viên chia sẻ về kinh nghiệm và truyền tải nguồn kiến thức về các loài thực vật cây rừng, việc sử dụng các loài thực vật này như thế nào trong đời sống vật chất và tinh thần của cộng đồng người Thái ở bản Pôm Om.

Tiến trình thực hiện

Việc đầu tiên mà nhóm nghiên cứu đã tiến hành đó là cùng cộng đồng xác định nhóm cây gỗ, phạm vi nghiên cứu tại rừng cộng đồng và một số rừng hộ gia đình. Một cuộc thảo luận giữa già làng, điều phối viên mạng lưới đất rừng và nhóm nghiên cứu đã được tổ chức. Trong cuộc thảo luận, nhóm nghiên cứu đã đề xuất nguyện vọng được tìm hiểu thông tin về các cây gỗ bản địa hiện có trong rừng Pôm Om. Mục tiêu nghiên cứu và một số thông tin cụ thể khác đã xin tham vấn các thành viên tham gia để đảm bảo đúng nhu cầu thực tiễn; đồng thời bổ sung thêm vào Bộ câu hỏi. Các thành viên đã thống nhất cao với hướng đi của nghiên cứu, với tinh thần và động lực: “chúng ta phải biết trong rừng mình còn có những cây gì thì mới bảo vệ được” (già Hà Văn Tuyên, 26/11/2013).

Nhóm nghiên cứu phần lớn dành thời gian đi vào rừng cộng đồng và rừng vườn hộ gia đình của bản để tìm hiểu. Các thành viên trong cộng đồng dẫn nhóm đi theo lộ trình mà có thể bắt gặp được nhiều loài

cây gỗ nhất. Ở tại mỗi điểm (loài cây quan tâm), nhóm dừng lại để tìm hiểu và ghi chép cụ thể các thông tin liên quan. Các ý kiến trao đổi, bổ sung và làm rõ về loài cây cũng đã được tiến hành. Ngoài ra, thông qua các cuộc nói chuyện và các hoạt động trong đời sống hằng ngày (bởi nhóm sinh hoạt ở cùng một số hộ gia đình), nhóm đã tìm hiểu thêm về sự gắn bó chặt chẽ giữa văn hóa truyền thống đối với thực hành sử dụng, quản lý và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.

Trong số 4 người cung cấp thông tin, già Hà Văn Tuyên, bác Hà Văn Vinh và anh Hà Văn Việt tham gia vào tất cả các đợt điền dã và các cuộc trao đổi; bác Vi Đình Văn đã tham gia vào một số buổi nhất định.

Xử lý dữ liệu

Cách tổng hợp dữ liệu: Dữ liệu được ghi chép trung thực ngay trên thực địa dựa trên các thông tin được cung cấp từ các thành viên của cộng đồng. Phần mềm excel được sử dụng để chuyển các thông tin đó thành các miền thông tin khác nhau một cách khoa học và có hệ thống nhằm phục vụ cho việc phân tích.

Cách giản lược hóa: Trong các miền thông tin, công dụng/chức năng được phân loại lại thành mười nhóm khác nhau dựa vào cách thức mà các loài thực vật được sử dụng. Mười nhóm khác nhau này được giản lược hóa thành những ký tự/ký hiệu. Các biến theo cấp độ (từ nhiều đến ít; không hoặc có) được mã hóa tương ứng với cấp độ đó.

Cách tính tổng: Tổng số lần công dụng/chức năng được tính bằng tổng số lần sử dụng của tổng số người tham gia.

Cách tính giá trị trung bình: Giá trị trung bình là tổng giá trị của các phần tử chia cho số phần tử tham gia.

Cách xử lý các biến khác thường hoặc thông tin lỗi (loại trừ hay để nguyên hoặc xử lý): Trong trường hợp có biến khác thường thì chúng được giữ nguyên và được giải thích rõ ràng. Trong trường hợp thiếu thông tin, các thông tin sẵn có được sử dụng nhưng cũng được giải thích cụ thể.

Khó khăn

Thời gian nhóm đến tìm hiểu/nghiên cứu là khoảng thời gian mà người dân đang bận rộn với các công việc mùa vụ cho nên đã không có nhiều thành viên khác trong cộng đồng có điều kiện tham gia cùng nghiên cứu.

Thời gian đầu, khi mà số lượng cây bắt gặp để tìm hiểu rất nhiều thì quá trình chia sẻ trên thực địa diễn ra tương đối nhanh. Nhóm nghiên cứu đã cố gắng tạo ra sự cân bằng giữa việc trao đổi tự nhiên, thoải mái để đảm bảo tính khách quan; nhưng cũng đồng thời phải nỗ lực hoàn thiện tính toàn vẹn của khung thông tin (đáp ứng nhu cầu của bộ câu hỏi). Mặc dù các thông tin về hiện trạng/trạng thái của các loài cây và công dụng/chức năng/cách sử dụng của chúng vẫn được ghi chép một cách đầy đủ, nhưng nếu dành thêm thời gian cho mỗi cây thì nhiều thông tin sâu hơn, thú vị hơn có thể được khai thác thêm.

Thuận lợi

Sự tham gia của các già làng, người dân, cán bộ thôn bản và cán bộ nghiên cứu lâu năm cùng tiến hành nghiên cứu tại bản là một điều kiện tiên quyết cần thiết để đảm bảo thông tin nghiên cứu được phát huy các yếu tố: sự tham gia, sự chia sẻ truyền thụ kiến thức, và sự kiểm tra chéo giữa các miền thông tin. Sự

tham gia của một bạn thanh niên dân tộc trẻ, mà đã từng là học sinh của FFS, cũng là một trong những điểm thuận lợi để phát huy tính chia sẻ liên thế hệ, giao lưu kiến thức và kết nối giữa công việc của nhóm và các bạn trẻ (cựu học sinh của FFS). Những người trong cộng đồng cùng tham gia là những người rất am hiểu về địa bàn và có kiến thức sâu sắc về cây gỗ trong rừng cũng như những phong tục tập quán của địa phương. Sự nhiệt tình tham gia của các thành viên là điểm mấu chốt cho quá trình thực hiện được trôi chảy và thu được những thông tin hữu ích.

Nhóm nghiên cứu nhận được sự hỗ trợ rất nhiệt tình của gia đình già Hà Văn Tuyên trong quá trình lưu trú tại bản và sự hỗ trợ điều phối rất đặc lực của bác Vi Đình Văn. Sự tham gia của chuyên gia thực vật học Bác Vũ Văn Cần cũng đóng vai trò vô cùng quan trọng trong nhận diện các đặc điểm sinh thái, và phân loại thực vật (kết nối giữa tri thức cộng đồng/người dân, và tri thức của học thuật/khoa học). Trong nhóm, anh Trần Đình Phương và anh Phạm Văn Dũng là hai cán bộ đã có nhiều năm làm việc tại đây và có mối quan hệ gắn kết chặt chẽ với cộng đồng nơi này. Đây là vốn quý của nhóm vì sự tin tưởng và sự hiểu biết lẫn nhau đã sẵn có.

Ngoài ra, thời tiết thuận lợi cũng là một yếu tố quan trọng thúc đẩy tiến trình nghiên cứu.

Kết quả/những phát hiện

Phần này cung cấp các kết quả tìm hiểu được của nhóm trong suốt thời gian 7 ngày làm việc tại Pòm Om (từ 26/11 đến 2/12/2013). Nhóm đã tìm hiểu được 74 loài cây gỗ bản địa với các miền thông tin khác nhau. Có 74 loài cây gỗ được đề cập với tổng số: 719 lần sử dụng (đã sử dụng và/hoặc biết cách sử dụng). Trung bình mỗi loài cây được sử dụng 9.7 lần (hoặc 9.7 cách sử dụng khác nhau).

Bảng 1: Các loại hình sử dụng của 74 loài cây gỗ tại bản Pòm Om.

Stt	Loại hình sử dụng	Ký hiệu	Số cách sử dụng	Phần trăm (%)
1	Dùng gỗ với các mục đích khác nhau (làm nhà, làm dụng cụ, đồ đạc)	TIMBER	157	21.8
2	Dùng để làm thuốc phòng hoặc chữa bệnh	MEDICINE	148	20.6
3	Liên quan đến các yếu tố văn hóa như sử dụng trong các nghi lễ, cần phải làm lễ trước khi chặt cây, các câu chuyện hay ý nghĩa chữa đưng khác đối với cây	CULTURE	146	20.3
4	Dùng làm củi hoặc chất đốt	FUEL	70	9.7
5	Làm thức ăn cho người	HF	61	8.5
6	Dùng cây để làm hàng rào trong vườn, trên nại hoặc dùng làm chuồng trại	FENCE	51	7.1
7	Dùng hoặc được đề cập để bán	TRADE	42	5.8
8	Các ứng dụng khác (dây buộc, nhuộm, đồ chơi,...)	APP	26	3.6
9	Quả, hạt của cây là thức ăn cho động vật hoang dã	WILD	15	2.1

10	Cây độc, cần chú ý	DANGER	3	0.4
Tổng			719	100

Trong tổng số cách sử dụng, người dân dùng gỗ phục vụ cho các mục đích làm nhà, làm dụng cụ, đồ đạc chiếm tỉ lệ cao nhất (21.8%). Sử dụng vì mục đích phòng và chữa bệnh cho người và gia súc; hoặc, cho các thực hành văn hóa cũng chiếm tỉ lệ cao (20.6% và 20.3%). Các mục đích sử dụng, ví dụ làm củi đun, thức ăn cho người và làm chuồng trại chiếm tỉ lệ thấp hơn nhưng gần tương đương nhau (9.7%, 8.5%, 7.1%). (Xem thêm chi tiết ở bảng 1).

Nhóm cũng phát hiện và lọc ra 8 loài cây gỗ với số cách sử dụng nhiều nhất (xem thêm chi tiết ở bảng 2). Tên của 8 loài cây gỗ bao gồm: Cỏ Nhau Kéo, Cỏ Lúm Bán, Cỏ Hạt, Cỏ Giang, Cỏ Ong Nậm, Cỏ Lắm Lίου, Cỏ Chờ Pháy, Cỏ Hiên; với hơn 15 lần/cách sử dụng khác nhau.

Bảng 2: Tên của 8 loài cây gỗ có số cách sử dụng nhiều nhất tại bản Pòm Om.

Stt	Tên cây tiếng Thái	Tên phổ thông	Tên khoa học	Số cách sử dụng
1	Cỏ Nhau Kéo	Phiên li	<i>Jatropha curcas</i>	23
2	Cỏ Lúm Bán	Ba chạc	<i>Euodia lepta</i>	19
3	Cỏ Hạt	Chay lá bò đê	<i>Artocarpus styracifolius</i>	18
4	Cỏ Giang	Kò ke	<i>Grewia paniculata</i>	17
5	Cỏ Ong Nậm	Giáp mê biển hoàng	<i>Viburnum lutescens</i>	17
6	Cỏ Hắm Lίου	Giỏi tanh	<i>Michelia aenea</i>	15
7	Cỏ Chờ Pháy	Phay	<i>Duabanga grandiflora</i>	15
8	Cỏ Hiên	Xoan	<i>Melia azedarach</i>	15

Kết quả điều tra cũng cho thấy, có 8 loài cây gỗ đang ở trạng thái hiếm (10.8%). Các loài này bao gồm: Cỏ Ong Sụt (*Manglietia fordiana*), Cỏ Chờ Pháy (*Duabanga grandiflora*), Cỏ Nò Ngón (*Cleistanthus Drypetes*), Cỏ Pằng Khánh (*Sapium*), Cỏ Lim Phượng (*Dysoxylum tonkinense*), Cỏ Cồng (*Aphanamixis grandifolia*), Cỏ Hắm Lίου (*Michelia aenea*), Cỏ Nhóm Ho (*Toona surenii*). Các loài cây gỗ hiếm này chủ yếu xuất hiện ở rừng/vườn hộ gia đình; có ba loài xuất hiện ở rừng cộng đồng và rừng thuốc nam. Bên cạnh đó, có 28 loài cây gỗ đang ở trạng thái ít (37.8%). (Xem thêm chi tiết ở bảng 3).

Bảng 3: Đánh giá về hiện trạng/trạng thái của 74 loài cây gỗ.

Trạng thái	Số lượng	Phần trăm (%)
Hiếm	8	10.8
Ít	28	37.8
Trung bình	15	20.3
Nhiều	23	31.1
Tổng	74	100

Kết quả điều tra cũng cho thấy có 19 loài được đánh giá có nguy cơ bị khai thác quá mức. Các nguyên nhân chủ yếu là: những loài cây gỗ tốt đã bị khai thác cạn kiệt; hoặc, những cây gỗ to đang hiếm dần, bị khai thác ngay ở tuổi làm nhà; hoặc, bộ phận lá hoặc hoa của loài bị khai thác hàng loạt để bán ra bên ngoài. 54 loài được điều tra là chưa có nguy cơ bị khai thác bởi những lý do sau: gỗ không tốt; hoặc, sinh trưởng nhanh và phổ biến; hoặc, chỉ có thầy thuốc biết cách sử dụng.

Bảng 4: Đánh giá về nguy cơ bị khai thác của 73/74 loài cây.

Trạng thái	Số lượng	Phần trăm
Có nguy cơ do bị khai thác quá mức	19	26.0
Chưa có nguy cơ	54	74.0
Tổng	73	100

Trong toàn bộ kết quả thu thập, có hai trường hợp cần phải kiểm tra lại: một là cây Cỏ Xền (*Pterospermum lanceaefolium*), cây này được hai người cung cấp thông tin; tuy nhiên, chỉ có một người nói cây này đang có nguy cơ; thông tin từ người còn lại đang bị thiếu. Trong bảng 4 cây Cỏ Xền (*Pterospermum lanceaefolium*) vẫn được tính là một loài đang có nguy cơ. Hai là, cây Cỏ Đục Ngú (*Zenia insignis*), là cây được điều tra lặp lại hai lần nhưng với mỗi lần thì câu trả lời là khác nhau (lần đầu, được cho là 'cây to đang trở nên hiếm dần; lần hai, được cho là không có nguy cơ).

Phân tích của nhóm cũng cho thấy có tất cả 5 loài cây gỗ vừa được xác định là hiếm đồng thời cũng được đánh giá là có nguy cơ bị khai thác quá mức, những loài cây này bao gồm: Cỏ Chờ Phây (*Duabanga grandiflora*), Cỏ Cồng (*Aphanamixis grandifolia*), Cỏ Hầm Lú (*Michelia aenea*), Cỏ Lím Phướng (*Dysoxylum tonkinense*), Cỏ Nhóm Ho (*Toona surenii*). Trong số 28 loài có hiện trạng ít, có 8 loài (cũng) được đánh giá là có nguy cơ bị khai thác quá mức, bao gồm: Cỏ Giang (*Grewia paniculata*), Cỏ Háy (*Ficus glaberrima*), Cỏ Ké (*Markhamia stipulata* var. *kerrii*), Cỏ Khẹt (*Peltophorum dasyrrhachis* var. *tonkinensis*), Cỏ Phàng (*Gmelia arborea*), Cỏ Tôm Đồng (*Neolamarckia cadamba*), Cỏ Xăng (*Itea macrophylla*), Cỏ Xền (*Pterospermum lanceaefolium*).

Bảng thông tin dưới đây tổng quan lại sự đóng góp của bốn thành viên cộng đồng tham gia cùng nghiên cứu về 74 loài cây gỗ.

Bảng 5: Sự đóng góp thông tin của các thành viên cho 74 loài cây gỗ.

Người cung cấp thông tin	Số cây đã đề cập	Số cách sử dụng
Hà Văn Tuyên	69	260
Hà Văn Việt	58	153
Hà Văn Vinh	69	254
Vi Đình Văn	16	52
Tổng		719

Thảo luận

Một trong những vấn đề nổi cộm lên đó là nguy cơ đối mặt của một số loài hiện được coi là hiếm, ít; nhưng có tính năng/giá trị sử dụng rất cao. Ví dụ: Cỏ Chờ Phây (Phay, *Duabanga grandiflora*), Cỏ Hầm Lú (Giỗ tanh, *Michelia aenea*). Một số loài cây ở trạng thái hiếm đã được trồng hoặc sẵn có ở vườn/rừng hộ gia đình nhưng với số lượng ít. Ví dụ: Cỏ Chờ Phây (Phay, *Duabanga grandiflora*), Cỏ Hầm Lú (Giỗ tanh, *Michelia aenea*), Cỏ Nhóm Ho (Trương vân, *Toona surenii*). Đối với những loài hiếm, ít nhưng có giá trị cao; cần thúc đẩy chiến lược bảo tồn: nguyên vị hoặc chuyển vị.

Có nhiều loài cây gỗ quý, theo nhận định của các già, đã trở nên khan hiếm và không thể bắt gặp 'trong bán kính mà một người già có thể đi đến', kể cả những cây con cũng rất khó gặp. Nếu muốn tìm thì phải đi vào trong rừng sâu. Các loài gỗ tốt khác có thể bắt gặp nhưng rất ít như Dổi, Lát, Chua Khét; các loài này những cây to cũng đã trở nên khan hiếm. Liệu chẳng, LISO nên phối kết hợp với Công ty giống cây lâm nghiệp hoặc Ban/ngành tại địa phương, Điều phối viên mạng lưới đất rừng, Hội đồng y xã cân nhắc thúc đẩy chiến lược gieo ươm lại giống quý hiếm?

Ngoài các loài gỗ tốt dùng để làm mộc đang đứng trước áp lực bị khai thác rất lớn thì các sản phẩm phi gỗ khác như: lá cây Cỏ Lúm Bán (*Euodia lepta*) và lá của cây Cỏ Giang (*Grewia paniculata*) (cả hai không rõ mục đích thu mua) đã bị thu mua (hiện UBND xã đã cấm); hoặc hoa của cây Cỏ Tấp Quái (*Camellia* sp.) (làm thuốc 200,000 – 300,000 VND/kg tươi) trong thời gian này đang bị thu hái mạnh. Liệu chẳng, LISO và LUPAPA nên phối kết hợp cùng CODE; cơ quan ban ngành địa phương cân nhắc việc đưa vai trò của truyền thông để ngăn chặn thực trạng khai thác quá mức này hoặc khuyến cáo chính sách? Ngoài ra, Cỏ Tấp Quái (*Camellia* sp.) có khả năng đây là một loài Chè vàng mới đối với khoa học, cần thu mẫu đầy đủ, quan sát thêm tại thực địa để phát biểu (SPERI 2013), cho nên việc bảo vệ loài thực vật này là rất cần thiết.

Người dân tộc Thái nói chung, người dân bản Pòm Om nói riêng có truyền thống lâu đời gắn bó với rừng, sự am hiểu của họ là kho trí tuệ rất phong phú về cách thức sử dụng cây rừng cho việc sử dụng gỗ và phi gỗ. Song hành cùng quá trình sống hài hòa với rừng, văn hóa ứng xử với cây rừng là một phần quan trọng trong thiết chế xã hội của cộng đồng. Mỗi cây rừng đều có một vị thần sống trong đó, trước khi chặt cây hay lấy một bộ phận của cây cần phải xin phép và luôn đứng ở hướng Bắc hoặc Nam để bóng của mình đè lên cây, khi việc sử dụng đã mang lại hiệu quả (đặc biệt là dùng để làm thuốc) thì cần phải trả ơn thần cây đó. Ngày đi chặt cây gỗ để làm nhà hay cho các mục đích khác cũng cần phải hỏi thầy tâm linh trong cộng đồng để chọn ngày tốt, vì nếu không chuyển đi có thể sẽ gặp nhiều nguy hiểm.

Các già làng rất quan tâm đến công dụng/giá trị sử dụng của các loài thực vật. Vì vậy, hầu hết các câu trả lời xoay quanh về chức năng, công dụng của các loài được thảo luận rất sôi nổi. Trong khi đó, các câu hỏi về thực hành văn hóa truyền thống đối với các loài cây dường như được kém quan tâm hơn (khi trả lời phỏng vấn). Nhóm nhận thấy một phần có thể do việc làm lễ xin thần cây là sự mặc nhiên trong văn hóa tập tục thường ngày của cộng đồng trước khi tiến hành thu hái/sử dụng cây rừng mà người dân ít muốn trả lời trực diện.

Một vấn đề khác cũng đã được già Tuyên chia sẻ thêm, đó là hiện nay hội đồng y xã Hạnh Dịch đã hoạt động kém sôi nổi do thiếu kinh phí. Nhận thức được rằng, thầy thuốc mất thì cây rừng (cây thuốc) cũng sẽ mất; vì vậy, mất đi những kiến thức về các cây đó. Đến khi đó, nhiều loài cây thuốc quý ở trong rừng

sẽ bị lãng quên, do vậy có thể dẫn đến sự suy tồn cho các mục đích không tương xứng với giá trị vốn có của những loài cây đó.

Các kết quả đánh giá trong báo cáo này vẫn chỉ mang tính tương đối. Bởi, tổng số già làng tham gia phỏng vấn còn ít. Vẫn còn tồn tại hai thông tin phải kiểm chứng lại. Khi đánh giá giá trị sử dụng của các loài cây gỗ, một mặt, có thể giá trị cây gỗ sử dụng trong làm nhà chiếm tỷ lệ cao nhưng hiện nay số lượng cây gỗ quý để sử dụng cho mục đích này không còn nhiều. Mặt khác, giá trị cây gỗ sử dụng làm củi đun chiếm tỷ lệ thấp hơn; nhưng vì nó phục vụ cho mục tiêu hàng ngày nên khối lượng tận dụng/ khai thác nếu tính tổng là tương đối lớn. Việc so sánh này trở nên có tính tương đối.

Kết luận và đề xuất

Đợt thu thập thông tin thực vật học dân tộc tại bản Pòm Om đã hoàn thành với 74 loài cây gỗ được tìm hiểu, 4 thành viên của cộng đồng đã cung cấp 719 cách thức sử dụng các loài cây này ở cộng đồng. Trong đó việc sản phẩm các loài cây này để làm nhà, làm đồ dùng được đề cập đến nhiều nhất, theo đó là được dùng để làm thuốc; sử dụng các loài cây này trong thực hành văn hóa truyền thống gắn chặt với các sử dụng cho mục đích vật chất. Kết quả khảo sát cũng đã cung cấp những nhận định ban đầu về hiện trạng/trạng thái, chức năng/công dụng cũng như nguy cơ của 74 loài cây gỗ trong rừng Pòm Om.

Dựa trên kết quả này, các khảo sát tiếp theo là cần thiết để tìm hiểu sâu hơn nữa về nhu cầu của cộng đồng cũng như hướng phát triển vườn rừng cộng đồng, vườn hộ gia đình trong bản Pòm Om trong việc phục hồi những loài cây gỗ quý hiếm. Bên cạnh đó, các khảo sát tương tự ở những bản khác trong xã Hạnh Dịch là cần thiết để tiếp tục tìm hiểu, bổ sung thêm vào danh mục các loài cây gỗ trên địa bàn.

Với một số loài đang có nguy cơ bị khai thác cạn kiệt như đã nêu tên ở trên, nhóm nghiên cứu đề xuất với ban LISO cùng phối hợp với chính quyền huyện, xã và hội đồng y tìm cách phục hồi lại giống vì mục tiêu bảo tồn nguồn gen (nguyên liệu gỗ, dược thảo).

Liên quan đến nhóm nghiên cứu, nhóm có hai đề xuất chính:

- Về tổ chức nhóm nghiên cứu nhằm đảm bảo hiệu quả cao hơn: nên có một già làng và một người trẻ đi theo nhóm nghiên cứu để thực hiện quá trình tìm hiểu thông tin, điều này sẽ tạo thuận lợi cho 1) Người già rất am hiểu kiến thức thực vật, có thể truyền tải trực tiếp kiến thức đó cho người trẻ và nhóm nghiên cứu 2) Người trẻ sẽ hỗ trợ nhóm nghiên cứu trong việc thu thập tiêu bản và ghi chép chính xác tên của các loài 3) Miền thông tin sau này là căn cứ để làm các kiến nghị cho cộng đồng về quá trình truyền tải tri thức trong cộng đồng 4) Với sự tham gia của 2 thành viên cộng đồng là điều kiện phù hợp để kích thích thảo luận trong nhóm và những chia sẻ về cách sử dụng các loài cây này bằng các câu chuyện trong chính nội bộ cộng đồng.
- Trong quá trình tiến hành, nhóm nghiên cứu cần tiến hành chậm và chắc; tối thiểu ở những miền thông tin cơ bản của các loài cây. Cố gắng hoàn thiện hình ảnh, tiêu bản và GPS của loài ngay tại hiện trường.
- Hai là, bộ câu hỏi và miền thông tin: Thông tin về công dụng/chức năng của cây và các nguy cơ mà các loài đang phải đối mặt là hai miền thông tin quan trọng, phải tập trung sâu; nhằm phục vụ hữu ích hơn cho cộng đồng và quá trình vận động chính sách sau này.

Liên quan đến công dụng và giá trị sử dụng, hiện tại báo cáo này đã tổng hợp được 10 loại công dụng khác nhau, nhóm đề xuất sử dụng 10 loại hình được tiếp tục sử dụng này đồng nhất với đợt nghiên cứu Lóng Lăn sắp tới, các công dụng phát sinh sẽ được bổ sung.

Liên quan đến biến nguy cơ; cần nhắc bổ sung việc giảm lược hóa những nhóm nguyên nhân khác nhau giải thích cho biến nguy cơ đối với từng loài. Hoặc, bổ sung các cấp độ nguy cơ (cao, trung bình, thấp, chưa có nguy cơ) để giúp định hình câu trả lời rõ nghĩa hơn.

Tài liệu tham khảo

Lê Văn Ka, Phạm Thị Lan Anh 7/2003. Kết quả giao đất lâm nghiệp theo ND 163/CP tại xã Hạnh Dịch, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An.

Lô Khánh Xuyên 2004. Luật tục của người Thái “Nghệ An” trong quản lý, phát triển tài nguyên thiên nhiên “Rừng, Đất, Nước”.

SPERI 2012. Kỷ yếu hội thảo Quản lý rừng cộng đồng: chính sách và thực tiễn (TP Vinh-Nghệ An, 2012); bài luận Giao đất Giao rừng ở xã Hạnh Dịch, huyện Quế Phong tỉnh Nghệ An, trang 48, 56

SPERI 2012. Bản đồ hiện trạng bản Pòm Om, xã Hạnh Dịch, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An.

SPERI, 2013. Những kết quả ban đầu của nghiên cứu Thực vật học dân tộc về tri thức truyền thống của các thầy thuốc nam tại cộng đồng các dân tộc thiểu số miền Bắc Việt Nam và Lào. Việt Nam.

SPERI 2013. Phân loại tên La tinh của các loài thực vật cây gỗ bản Pòm Om, xã Hạnh Dịch, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An. Vũ Văn Cần, Hà nội, ngày 17 tháng 12 năm 2013.

LandNet 4/2013. Báo cáo chuyên đề: Khảo sát và Nghiên cứu Luật tục trong quản lý, quy hoạch và bảo vệ rừng của cộng đồng người Thái các bản Pà Kim, Bản Chiếng, Bản Khóm và Bản Pà Cọ, xã Hạnh Dịch, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An.

SPERI website 2013. [http://speri.org/info/350/\(Nghe-An\)-Kinh-nghiem-tu-giao-ru%CC%80ng-ga%CC%81n-vo%CC%81i-giao-da%CC%81t-lam-nghie%CC%A3p-tai-xa-Hanh-Dich-huye%CC%A3n-Que%CC%81-Phong-925.html](http://speri.org/info/350/(Nghe-An)-Kinh-nghiem-tu-giao-ru%CC%80ng-ga%CC%81n-vo%CC%81i-giao-da%CC%81t-lam-nghie%CC%A3p-tai-xa-Hanh-Dich-huye%CC%A3n-Que%CC%81-Phong-925.html)

SPERI 2014. Vị trí các loài cây được tìm hiểu trên bản đồ hiện trạng bản Pòm Om, xã Hạnh Dịch, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An. Vũ Văn Thái, Hà Nội, tháng 1 năm 2014.